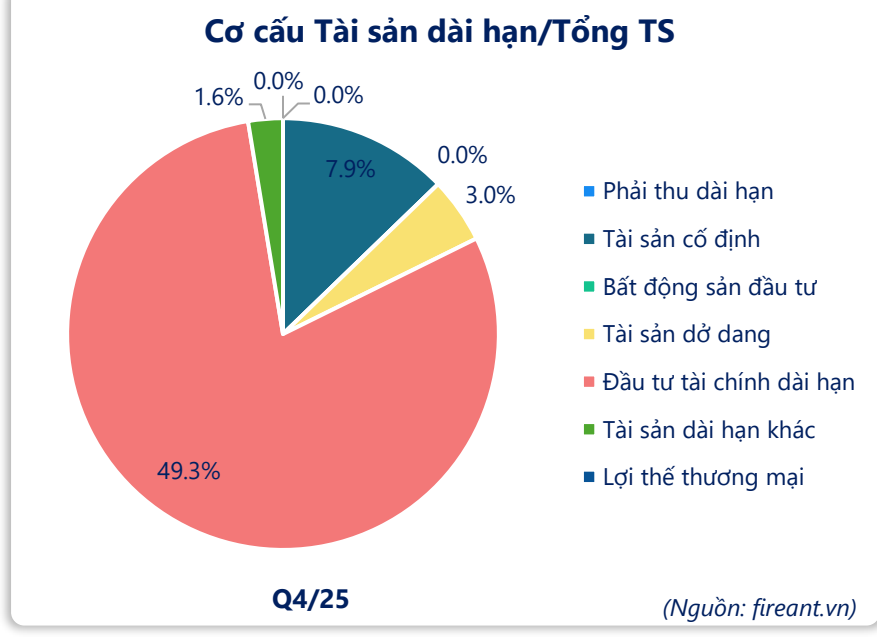
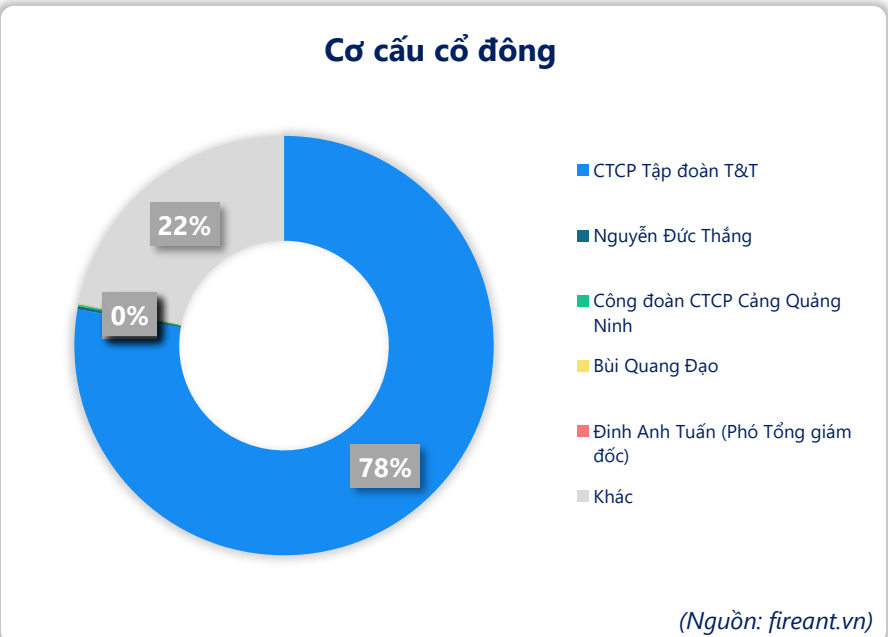
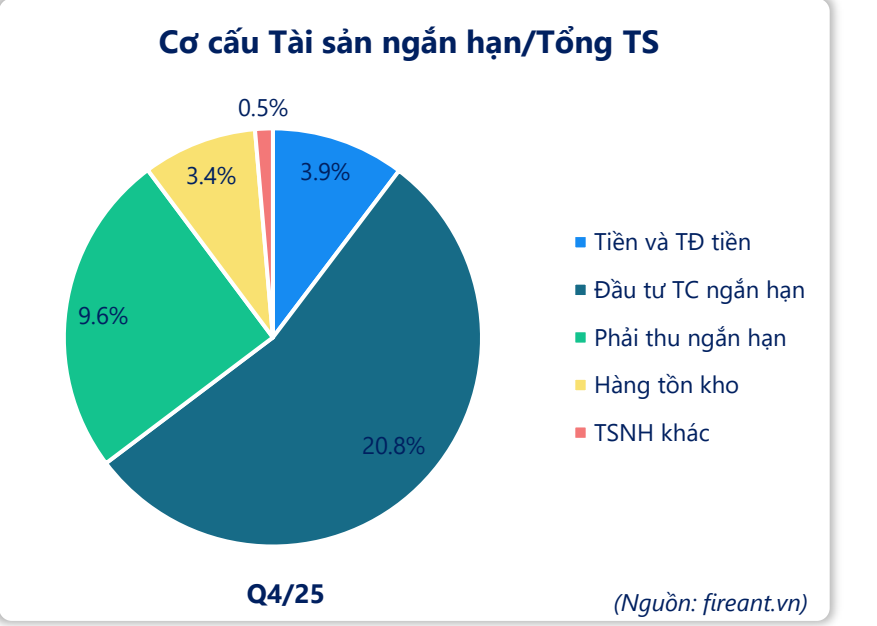
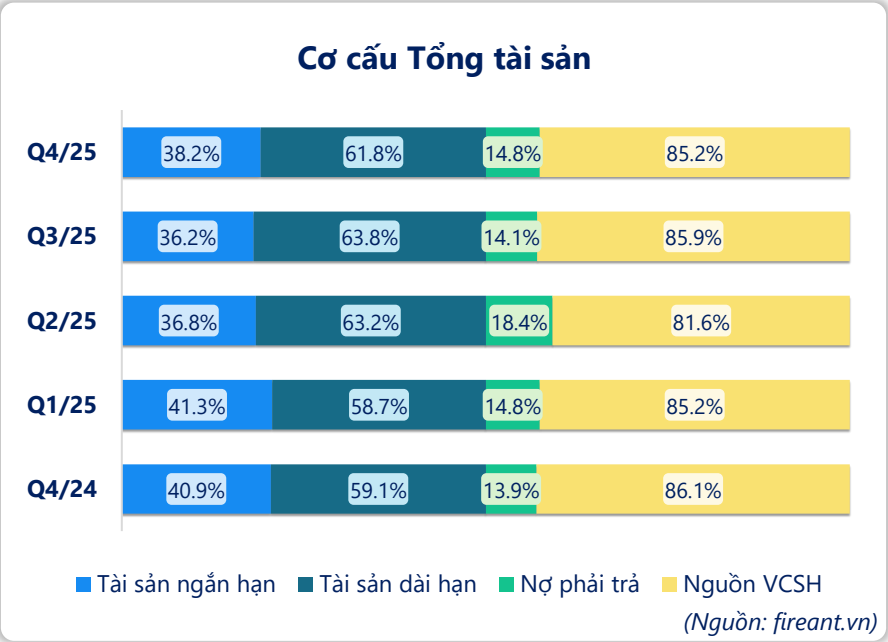
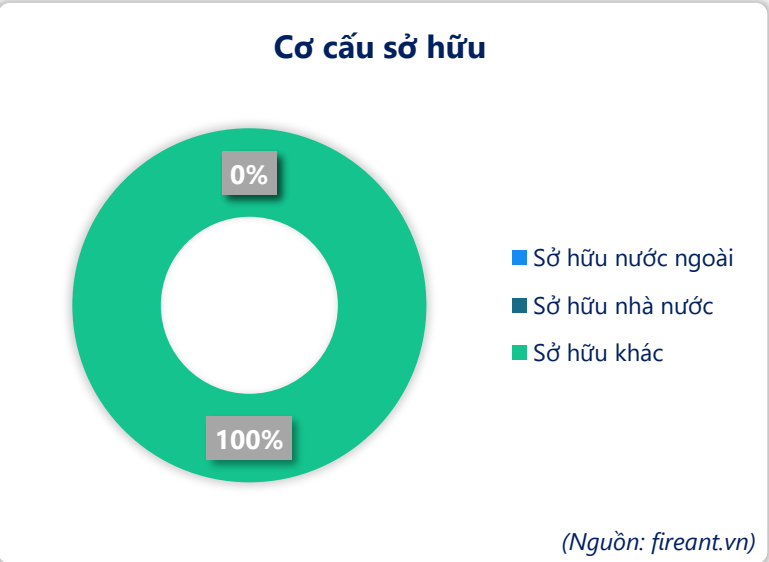
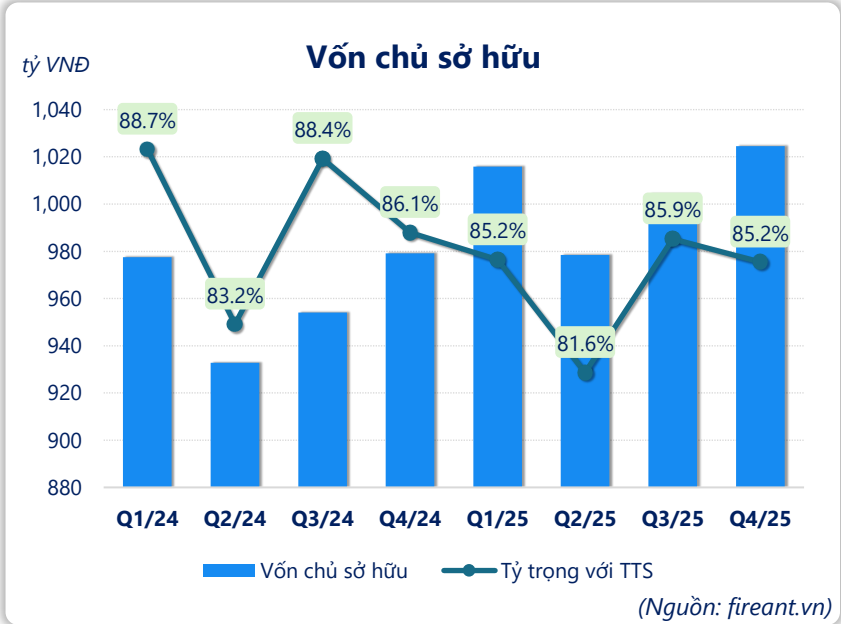
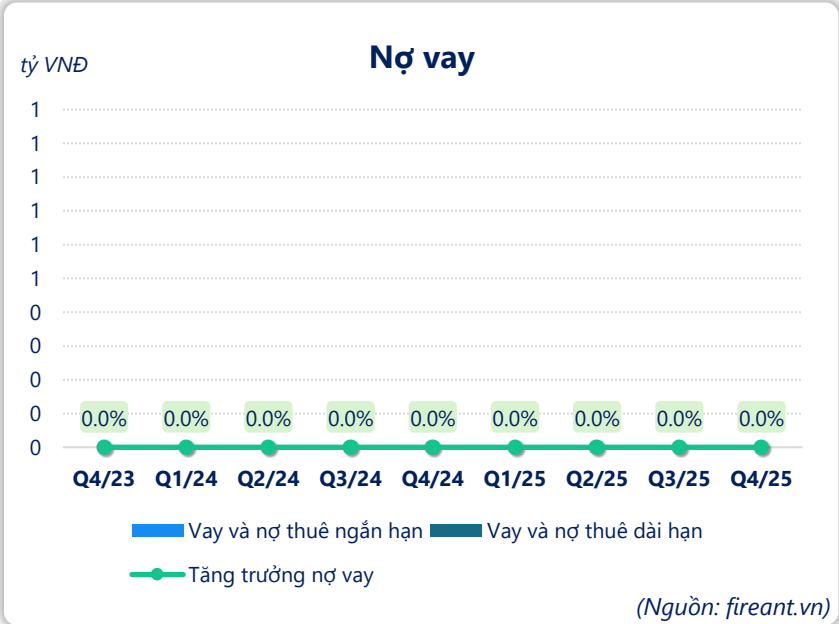
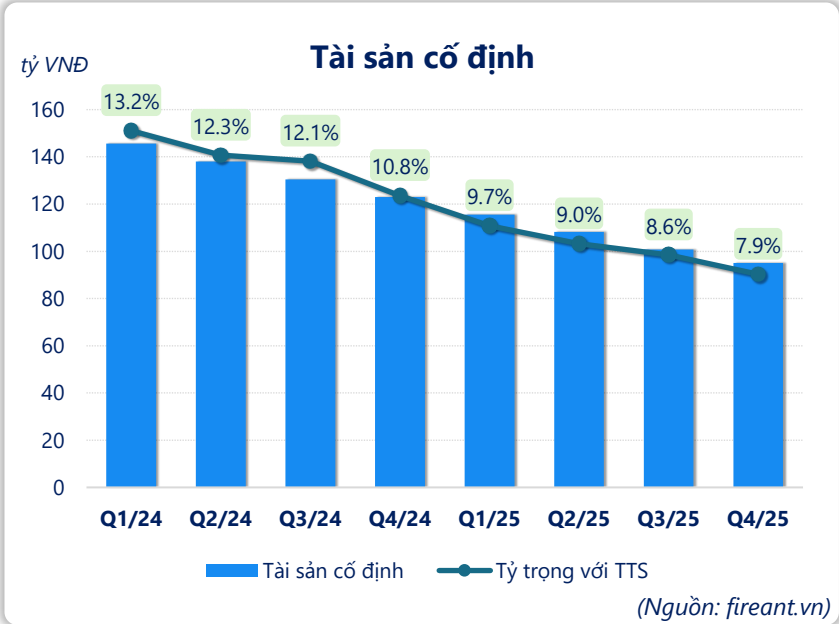
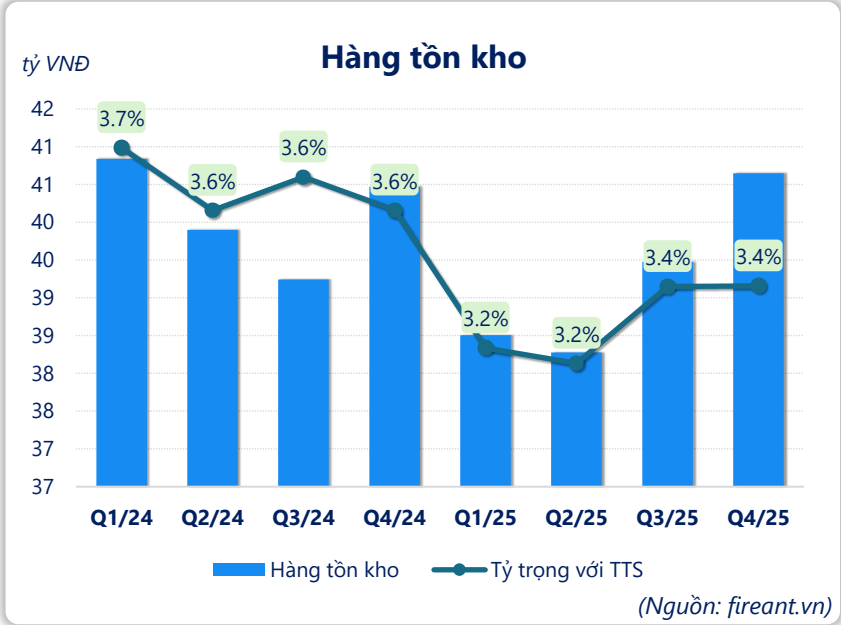
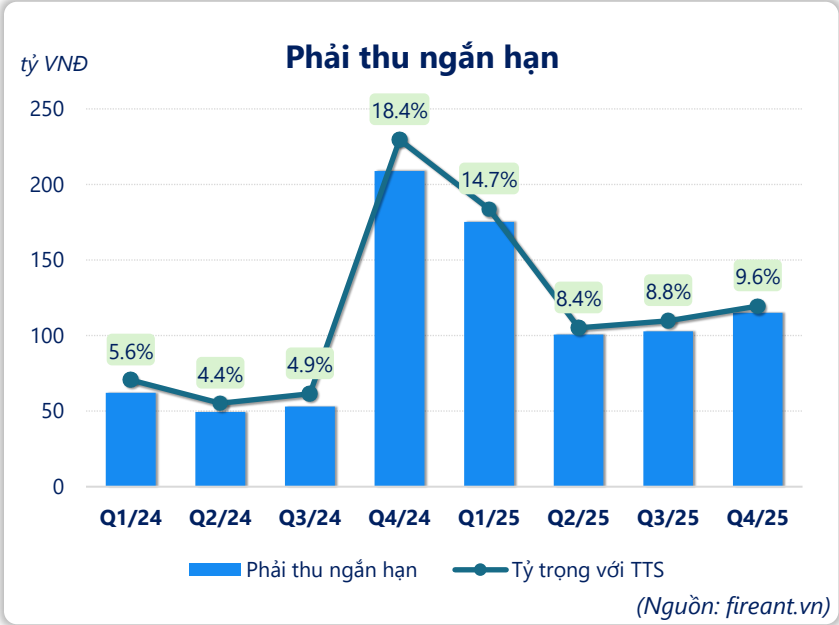
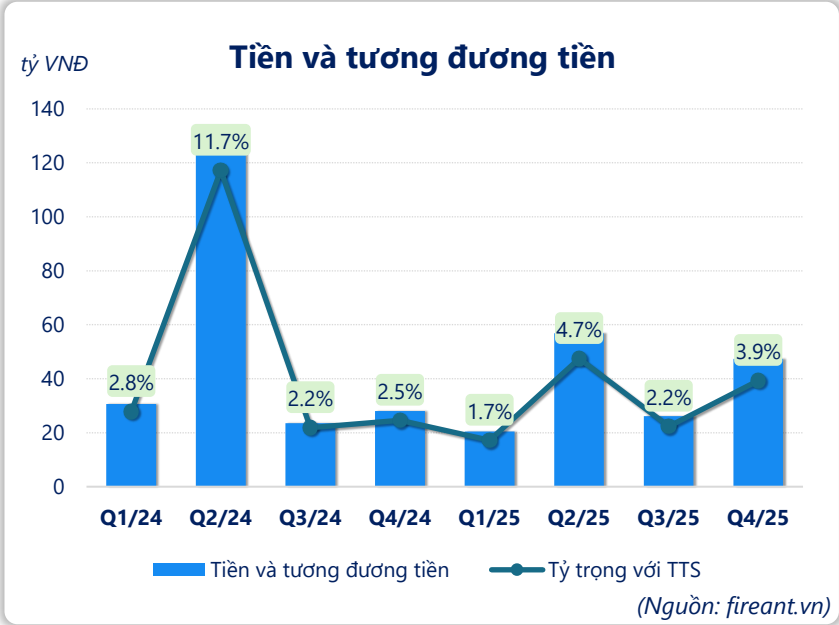
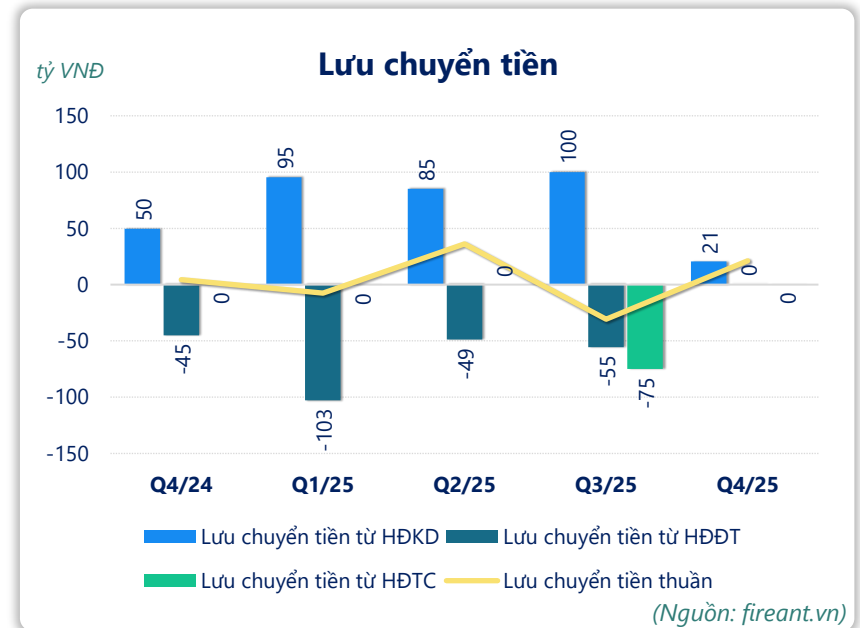
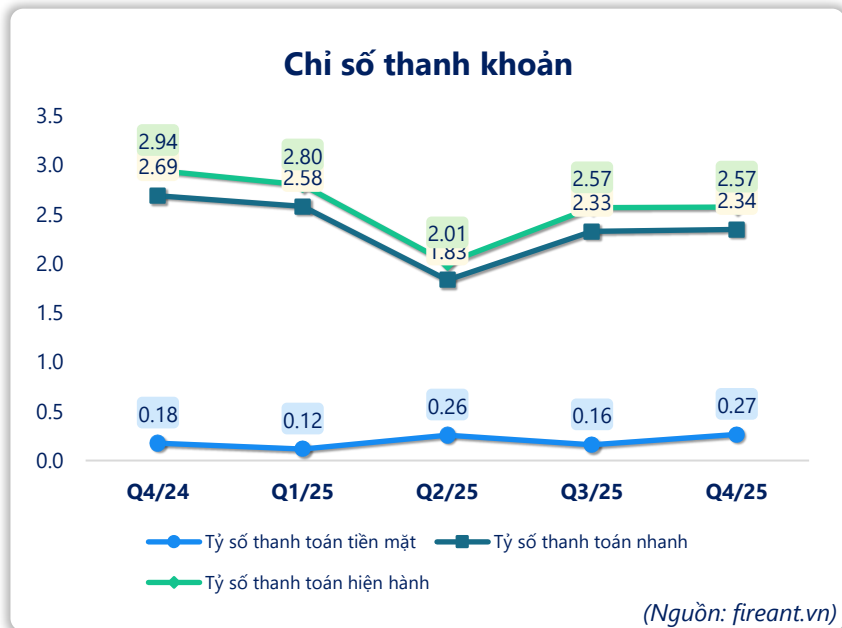
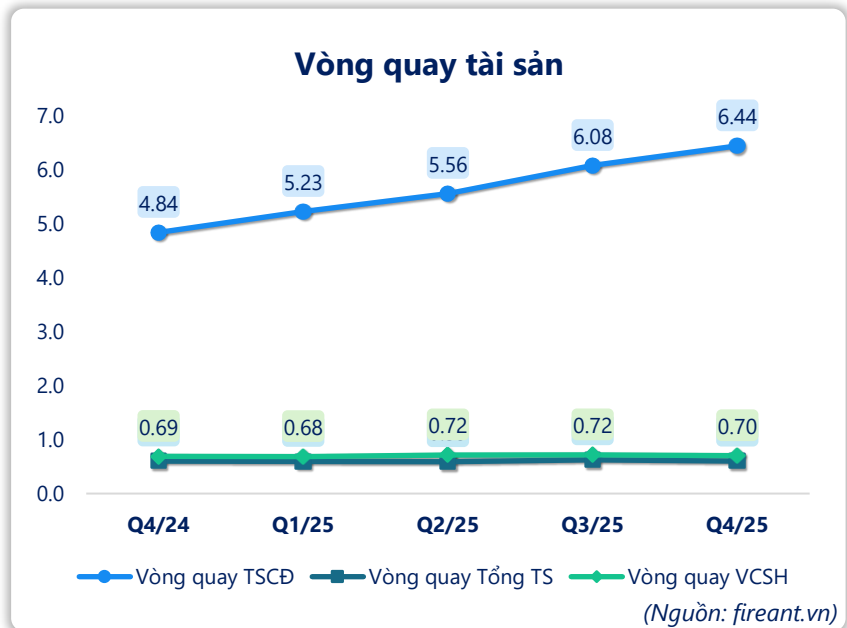
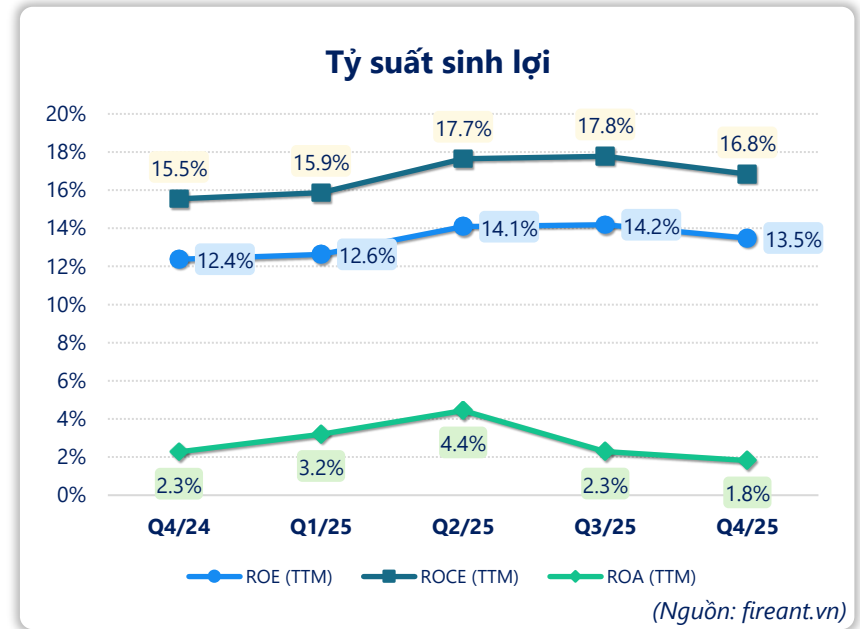
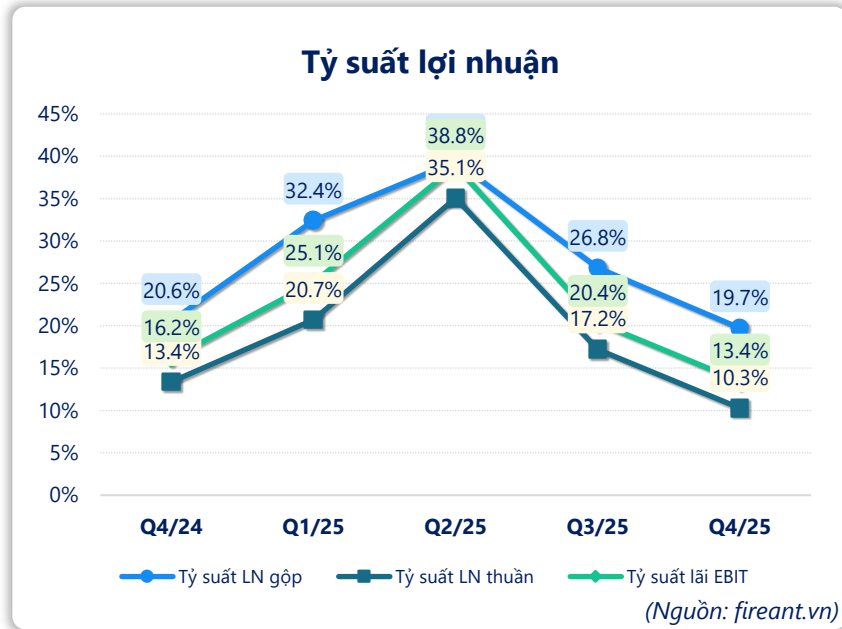
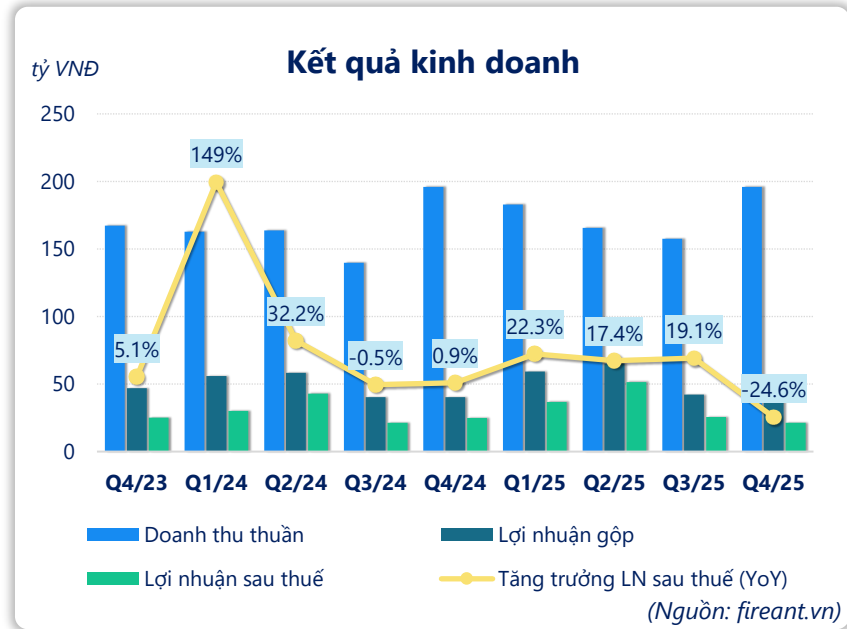


Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		31,300
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		37,818
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		29,091
SL cổ phiếu LH		75,049,936
KLGD BQ 20 phiên (CP)		14,955
% sở hữu nước ngoài		0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		2,349
P/E		17.4
EPS		1,801

	YTD	1T	3T	6T
CQN	0.9%	-0.3%	-0.9%	-0.6%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,203	1,137	5.8%
Tài sản ngắn hạn	459	466	-1.3%
Tiền và tương đương tiền	47.4	28.0	69.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	250	185	35.1%
Phải thu ngắn hạn	115	209	-44.9%
Hàng tồn kho	40.6	40.5	0.4%
Tài sản ngắn hạn khác	6.31	3.19	97.6%
Tài sản dài hạn	744	672	10.7%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	95.0	123	-22.7%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	36.6	36.9	-0.7%
Đầu tư tài chính dài hạn	593	486	22.0%
Tài sản dài hạn khác	19.3	26.0	-26.0%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	179	158	13.0%
Nợ ngắn hạn	179	158	13.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	25.9	20.4	26.7%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	1,025	979	4.6%
Vốn chủ sở hữu	1,025	979	4.6%
Vốn điều lệ	750	750	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	196	183	166	158	196
Giá vốn hàng bán	156	124	100	115	157
Lợi nhuận gộp	40.3	59.3	65.3	42.3	38.6
Doanh thu HĐTC	13.6	2.65	3.89	3.70	5.54
Chi phí TC	-2.60	0.00	0.00	0.00	-3.51
Chi phí lãi vay	0	0	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	30.3	24.1	11.1	18.9	27.5
LN thuần từ HĐKD	26.2	37.9	58.1	27.1	20.1
Lợi nhuận khác	5.50	8.05	6.25	4.95	6.19
LN trước thuế	31.7	45.9	64.3	32.1	26.3
Lợi nhuận sau thuế	25.0	36.7	51.5	25.7	21.3
LNST của CĐ cty mẹ	25.0	36.7	51.5	25.7	21.3

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	49.5	95.3	85.0	99.8	20.7
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-45.1	-103	-48.9	-55.5	0.41
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-0.01	-0.04	0	-75.0	0.00
Tiền đầu kỳ	23.6	28.0	20.5	56.9	26.2
Lưu chuyển tiền thuần	4.42	-7.49	36.1	-30.7	21.1
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.01	0	0.26	0	0.08
Tiền cuối kỳ	28.0	20.5	56.9	26.2	47.4

(Nguồn: fireant.vn)